TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 4 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kiều T, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2024, cùng các văn bản kèm theo bà Huỳnh Thị Kiều T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2009, bà và ông Nguyễn Văn D thành hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh

C ngày 26/02/2013. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, ông Nguyễn Văn D thường đánh đập bà. Bà xác định là bà không còn tình cảm dành cho ông Nguyễn Văn D. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà không thể đoàn tụ gia đình với ông Nguyễn Văn D, nay bà cương quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn D và yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Có hai người tên là Nguyễn Thị Ngọc T (giới tính nữ), sinh ngày 18/3/2010 và Nguyễn Văn D (giới tính nam), sinh ngày 04/12/2012. Hiện tại cả hai người con chung đang do bà nuôi dưỡng. Bà yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung, bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn xa nên việc đi lại khó khăn, bà Huỳnh Thị Kiều T xin vắng mặt tham gia tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn D vẫn không tham gia tố tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Huỳnh Thị Kiều T ly hôn với ông Nguyễn Văn D; Về con chung: Có hai người tên là Nguyễn Thị Ngọc T (giới tính nữ), sinh ngày 18/3/2010 và Nguyễn Văn D (giới tính nam), sinh ngày 04/12/2012. Hiện tại đang do bà Huỳnh Thị Kiều T nuôi dưỡng. Bà Huỳnh Thị Kiều T yêu cầu nuôi dưỡng cả hai người con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kiều T là phù hợp. Bà Huỳnh Thị Kiều T không yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thị Kiều T xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông Nguyễn Văn D không cung cấp chứng cứ gì, ông Nguyễn Văn D vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2009, bà Huỳnh Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm thường xuyên tranh cãi. Bà Huỳnh Thị Kiều T xác định không còn tình cảm dành cho ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Kiều T cương quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Huỳnh Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn D không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn D đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy ông Nguyễn Văn D không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kiều T, ông Nguyễn Văn D không có ý kiến gì. Xét cho bà Huỳnh Thị Kiều T ly hôn với ông Nguyễn Văn D là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có hai người tên là Nguyễn Thị Ngọc T (giới tính nữ), sinh ngày 18/3/2010 và Nguyễn Văn D (giới tính nam), sinh ngày 04/12/2012. Hiện tại cả hai người con chung đang do bà Huỳnh Thị Kiều T nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Văn D có nguyện vọng sống cùng với bà Huỳnh Thị Kiều T nên chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kiều T là phù hợp. Bà Huỳnh Thị Kiều T không yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Kiều T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị Kiều T ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Thị Ngọc T (giới tính nữ), sinh ngày 18/3/2010 và Nguyễn Văn D (giới tính nam), sinh ngày 04/12/2012 cho bà Huỳnh Thị Kiều T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Kiều T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng. Bà Huỳnh Thị Kiều T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003150 ngày 02/01/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Phú Tân;*
- *Chi cục THADS (khi có hiệu lực);*
- *Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);*
- *UBND xã R, huyện P, tỉnh C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu trữ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng